

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TĐ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 05 năm 2019
V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĐ, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhẫn

2. Bà Nguyễn Thị Chuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị PTT, sinh năm 1986, có mặt.

Nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Anh DDL, sinh năm 1983, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 01 tháng 6 năm 2018 và những lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị PTT trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh DDL kết hôn với nhau vào ngày 17/3/2010. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong chị về làm dâu và làm ăn chung sống cùng gia đình anh L tại thôn N, xã H từ đó đến nay. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L thường xuyên chơi bời, cờ bạc, có biểu hiện của người nghiện ma túy, dẫn đến nợ nần nhiều phải đi trốn nợ. Từ đó, vợ chồng hay cãi nhau, mâu thuẫn và không quan tâm đến nhau nữa. Chị và anh L đã sống ly thân nhau từ tháng 3

năm 2017 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về quan con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu ĐGB, sinh ngày 07/3/2011, hiện cháu đang ở với chị. Ly hôn nguyện vọng của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu B, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn anh DDL không có mặt tại phiên tòa hôm nay cũng như không có mặt trong suốt quá trình giải quyết nên không có lời trình bày. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các giấy tờ, văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh L.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Cho chị Phạm Thị Trang và anh DDL được ly hôn .

Về con chung: Giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Gia Bảo, sinh ngày 07/3/2011, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Do các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị PTT có đơn xin ly hôn anh DDL, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn N, xã H, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh DDL vắng mặt mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Long vẫn vắng mặt. Điều đó thể hiện việc, anh L tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt anh L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị PTT và anh DDL là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện TĐ, tỉnh

Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống vợ chồng đã hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T: Do anh L mãi chơi, tham gia vào các tệ nạn xã hội, ma túy, cờ bạc nên nợ rất nhiều tiền, thậm chí nợ của cả các băng nhóm xã hội bên ngoài. Do vậy, vợ chồng bất hòa, mâu thuẫn thường xuyên với nhau. Chị và anh L sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương xã H, làm việc với bố đẻ của anh L là ông ĐVN thì: Anh L là người không chịu khó làm ăn, chơi bời và nợ tiền. Do vậy, mấy năm trở lại đây hầu như ít khi về nhà, không có nơi ở cố định. Ông N cũng xác định: ông và gia đình có nhận được các loại văn bản, giấy tờ của Tòa án về việc giải quyết ly hôn của anh L, ông đều thông báo cho anh L được biết nhưng anh L nói sẽ không đến Tòa làm việc điều đó thể hiện anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, cố ý vắng mặt gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị T được ly hôn với anh L.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh L có 01 con chung là cháu ĐGB, sinh ngày 07/3/2011. Hiện cháu đang ở với chị T. Ly hôn chị T xin được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu B, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức*: Dương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị PTT là nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Cho chị PTT được ly hôn anh DDL

2. *Về con chung*: Giao cho chị PTT được trực tiếp nuôi dưỡng cháu ĐGB, sinh ngày 07/3/2011, anh L không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị T.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị PTT phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp tại biên lai

số: 0000804 ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TĐ. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TĐ;
- Chi cục THADS huyện TĐ;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công